

ỨNG DỤNG TƯ DUY THIẾT KẾ TRONG HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH CÔNG VÀ GỢI SUY CHO VIỆT NAM

Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang¹, Phạm Thị Thắm
Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ

Phạm Thị Linh
Khoa Quốc tế và Đào tạo sau đại học,
Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Tóm tắt:

Tư duy thiết kế - TDTK (design thinking) là khái niệm mới được nhắc đến lần đầu tiên vào khoảng những năm 50 - 60 của Thế kỷ XX nhưng vai trò và những đóng góp của TDTK đã được ghi nhận không chỉ trong lĩnh vực thiết kế mà còn đối với những tiến bộ trong khoa học, quản trị kinh doanh, giáo dục,... Trong lĩnh vực chính sách công, TDTK được xem là một trong những cách tiếp cận có thể sử dụng để giải quyết các vấn đề phức tạp, cung cấp những công cụ giúp nhà quản lý khám phá những cơ hội sáng tạo, tinh gọn tổ chức, kiểm soát nguồn lực. Với giai đoạn hoạch định chính sách công, TDTK được xem như một cách để hiểu rõ hơn về cấu trúc một vấn đề chính sách. Nó đặc trưng bởi quá trình sáng tạo và sự tham gia của nhiều bên liên quan, đặc biệt là đối tượng thụ hưởng chính sách. Bài báo ngoài việc hệ thống hóa lại khái niệm cơ bản về TDTK sẽ tổng hợp những tiềm năng của việc ứng dụng TDTK trong hoạch định chính sách công cũng như những tranh luận về hạn chế của công cụ này từ đó đưa ra những gợi ý suy cho Việt Nam.

Từ khóa: Tư duy thiết kế; Chính sách công.

Mã số: 24102801

APPLYING DESIGN THINKING IN PUBLIC POLICY FORMULATION AND IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Summary:

Design Thinking first emerged as a concept around the 1950s-1960s of the 20th century. However, the role and contributions of design thinking have been recognized not only in the field of design but also in the progress of science, business management, and education... In the field of public policy, design thinking is considered an approach that can be employed to tackle complex issues, offering tools for managers to explore creative opportunities, streamline organizations, and manage resources more effectively. In the policy-making stages, design thinking is considered as an approach to better understanding and structuring the policy issues. It is characterized by a creative process involving multiple stakeholders, especially policy beneficiaries. Besides systematizing the basic concept of design thinking, this paper will summarize the potential of applying design thinking in the public policy cycle and discuss the debates, and its limitations, thereby offering suggestions for Vietnam.

Keywords: Design thinking; Public policy formulation.

¹ Liên hệ tác giả: quynhtrangrudn2018@gmail.com

1. Dẫn nhập

Tư duy thiết kế - TDTK (design thinking) là khái niệm mới được nhắc đến lần đầu tiên vào khoảng những năm 50 - 60 của thế kỷ XX nhưng vai trò và những đóng góp của TDTK đã được ghi nhận không chỉ trong lĩnh vực thiết kế mà còn đối với những tiến bộ trong khoa học và quản trị kinh doanh, giáo dục (*Đỗ Đức Lân và cộng sự, 2021*),... TDTK được xem là một trong những giải pháp có thể sử dụng để giải quyết các vấn đề phức tạp. TDTK cung cấp những công cụ giúp nhà quản lý khám phá những cơ hội sáng tạo, tinh gọn tổ chức và kiểm soát nguồn lực. Trong chu trình chính sách công, TDTK được xem như một cách để hiểu rõ hơn và cấu trúc một vấn đề chính sách. Nó đặc trưng bởi quá trình sáng tạo và sự tham gia của nhiều bên liên quan, đặc biệt là đối tượng thụ hưởng chính sách. Việc hệ thống hóa lại khái niệm cơ bản về TDTK, phân tích những tiềm năng của việc ứng dụng TDTK trong chu trình chính sách công sẽ cung cấp những luận cứ cơ bản cho việc đưa ra những gợi ý suy cho Việt Nam.

2. Những khái niệm cơ bản

Design Thinking theo các tài liệu tiếng Việt hiện đang lưu hành tại Việt Nam mà nhóm tác giả tiếp cận được biên dịch là “Tư duy thiết kế”. Theo cách hiểu đơn giản thì tư duy thiết kế là một cách tiếp cận, một khung tư duy mà người dùng có thể vận dụng ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Khi mới xuất hiện vào khoảng giữa thế kỷ XX, sau Chiến tranh Thế giới thứ II, TDTK được sử dụng chủ yếu tập trung vào bối cảnh kiến trúc và kỹ thuật được xem là những lĩnh vực có những thay đổi lớn ở thời kỳ này. Trong một khoảng thời gian sau đó, giới làm thiết kế rộ lên xu hướng tìm kiếm những cách thức, phương pháp thiết kế mới nhằm nâng cao hiệu quả công việc. Sau một thời gian, các phương án đều chưa cho thấy rõ hiệu quả, các nhà thiết kế đã chuyển hướng từ tìm kiếm phương pháp sang nghiên cứu “cách tư duy” sáng tạo ra sản phẩm. Thời điểm này, thuật ngữ “tư duy thiết kế” (design thinking) chưa được phổ biến mà chỉ được hiểu là cách thức các nhà thiết kế tư duy sáng tạo.

Đến năm 1969, trong ấn phẩm được giải Nobel của Herbert Simon “The Science of the Artificial”, thiết kế được giới thiệu như một phương pháp giải quyết vấn đề, phác thảo mô hình tuyến tính phân tích - tổng hợp - đánh giá ban đầu (*Yin và cộng sự, 2013*). Năm 1987, Rowe đã nhắc đến thuật ngữ “tư duy thiết kế” trong ấn phẩm “Tư duy thiết kế” của mình, cung cấp một bản mô tả hệ thống về quá trình thiết kế trong kiến trúc và quy hoạch. Gần 20 năm sau, Đại học Stanford thành lập d.school vào năm 2005 để thúc đẩy giáo dục tư duy thiết kế liên ngành. Đến những năm 2005 - 2012, thuật ngữ “tư duy thiết kế” đã được mở rộng và định nghĩa rõ ràng hơn. Hai nhà nghiên cứu đã góp công lớn trong việc định hình khái niệm về tư duy thiết kế là Brown (2009) và Martin (2009). Nói đến TDTK, người ta thường liên tưởng

đến một quy trình tuần hoàn, có thể lặp đi lặp lại để đổi mới, phi tuyến tính và cải tiến liên tục, trong đó “người thiết kế” tìm cách hiểu “người dùng” (là khách hàng hoặc người dân), xác định lại các vấn đề để tạo ra các giải pháp sáng tạo cho tạo mẫu và thử nghiệm, tìm kiếm chiến lược và giải pháp thay thế² (theo Interaction Design Foundation).

Trong bài báo này, tư duy thiết kế (tiếng Anh: design thinking) thường được hiểu là một chuỗi các nghiên cứu, thử nghiệm các giả định và xác định lại vấn đề nhằm tìm ra giải pháp hoặc xây dựng những chiến lược tốt hơn. Tư duy thiết kế có thể coi là một phương pháp giúp tìm ra những giải pháp mới, có tính đột phá nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể theo cách tối ưu. Đây có thể là một quy trình tuần hoàn, có thể lặp đi lặp lại để đổi mới, cải tiến liên tục (Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang và cộng sự, 2024).

Quy trình triển khai theo tư duy thiết kế gồm 5 bước, đó là: thấu cảm; xác định vấn đề; ý tưởng; nguyên mẫu; kiểm tra (Hình 1) (theo Uebernickel và Brenner, 2020; Đỗ Đức Lân và cộng sự, 2021)



Nguồn: Nhóm tác giả, 2024

Hình 1. Quy trình tư duy thiết kế

Sự ra đời của TDTK được xem là một trong những cách tiếp cận để tăng khả năng giải quyết những vấn đề nan giải (wicked problems) mà các giải pháp thông thường gặp khó khăn hoặc không giải quyết được (Rittel, 1973). Những vấn đề nan giải được cho là trọng tâm của tư duy thiết kế bởi sự phức tạp, đa chiều và đòi hỏi một phương pháp tích hợp để có thể hiểu sâu sắc về nhu cầu, động lực và hành vi của con người. Cho đến thời điểm hiện tại, tư duy thiết kế được xem như một trong những công cụ để giải quyết vấn đề trên nhiều lĩnh vực (Buchanan, 1992).

2.1. Chính sách và chính sách công

Theo Trường Luật Havard (Harvard Law School)³: “*Chính sách là một quá trình hành động để giải quyết một vấn đề chính trị. Bản thân việc hoạch định*

²Nguồn: <https://www.interaction-design.org/literature/topics/design-thinking#:~:text=Design%20thinking%20is%20a%20non,solutions%20to%20prototype%20and%20test.>

³ Nguồn: <https://hls.harvard.edu/bernard-koteen-office-of-public-interest-advising/about-opia/what-is-public-interest-law/public-interest-work-types/policy/>

chính sách là một quá trình, được hình thành bởi các nhóm cộng đồng hoặc tư nhân, những người hoạch định chiến lược liên quan đến một vấn đề chính trị, và được thực hiện bởi các công chức chính phủ, những người thực hiện chính sách như các chương trình và hành động cụ thể. Do đó, hoạch định chính sách không chỉ đề cập đến kết quả cuối cùng của các chính sách mà nói chung là phân tích các quyết định của chính phủ và cách thức mà các nhóm khác nhau cố gắng khiến các nhà hoạch định chính sách của chính phủ hành động theo một cách cụ thể”.

Theo B. Guy Peter (2006), “Chính sách công là toàn bộ các hoạt động của nhà nước có ảnh hưởng một cách trực tiếp hay gián tiếp đến cuộc sống của mọi công dân”. Thomas R. Dye (2016) cho rằng, “Chính sách công là cái mà một chính phủ chọn để làm hoặc không làm”. Theo William N. Dunn (2017), “Chính sách công là một sự kết hợp phức tạp những lựa chọn liên quan lẫn nhau, bao gồm cả các quyết định không hành động, do các cơ quan nhà nước hay các quan chức nhà nước đề ra”. Chính sách công cũng được định nghĩa trong tài liệu về “Thuật ngữ hành chính” (Học viện Hành chính quốc gia) là “Những quy định về sự ứng xử của Nhà nước với các vấn đề phát sinh trong đời sống cộng đồng, được thể hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, nhằm thúc đẩy xã hội phát triển theo định hướng” hay “Một chuỗi các quyết định hành động của Nhà nước nhằm giải quyết một vấn đề chung đang được đặt ra trong đời sống kinh tế - xã hội theo mục tiêu xác định”.

Tại Việt Nam, chính sách công là một trong những công cụ cơ bản được Nhà nước sử dụng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước⁴. Trong nghiên cứu này, chính sách công có thể được hiểu là công cụ và phương thức cơ bản để Nhà nước định hướng phát triển và theo đuổi lợi ích chung của xã hội. Chính sách công do Nhà nước đề ra, có phạm vi tác động lớn đến đời sống chính trị, kinh tế, xã hội trên phạm vi quốc gia, một địa phương, một ngành, một nhóm người, hay một cộng đồng xã hội.

2.2. Hoạch định chính sách công

Quy trình hoạch định chính sách (Policy making process), hay còn được gọi là chu trình chính sách (policy cycle), diễn tả logic quá trình hình thành, phát triển của chính sách công, cùng với vai trò và mối quan hệ của các chủ thể tham gia quá trình này (Kraft, Fulong, 2015).

Chu trình chính sách về cơ bản theo nhiều tác giả (Nguyễn Anh Phương, 2020; Mintrom và Luetjens, 2016) thường bao gồm ba giai đoạn chính là hoạch định chính sách, thực thi chính sách và phân tích, đánh giá chính sách. Theo trình tự thời gian, các bước có thể chia nhỏ như sau:

⁴ Điều 26, Hiến pháp 1992, sửa đổi năm 2001: “Nhà nước thống nhất quản lý nền kinh tế quốc dân bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách...”.

- (1) Phát hiện và xác định vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội (Định nghĩa vấn đề chính sách);
- (2) Lập chương trình nghị sự;
- (3) Tìm kiếm, đề xuất giải pháp - các lựa chọn chính sách;
- (4) Hình thành chính sách;
- (5) Thông qua chính sách;
- (6) Thực thi chính sách;
- (7) Phân tích, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chính sách.

Mặc dù chia nhỏ theo trình tự thời gian nhưng trên thực tế, một số học giả có thể gộp các bước lại với nhau, thậm chí gộp cả 4 giai đoạn đầu tiên của chu trình chính sách công nói trên, để cùng diễn tả việc làm ra một (dự thảo) chính sách hoàn chỉnh, với rất nhiều khái niệm được sử dụng (có ý nghĩa tương tự nhau), đó là: Hình thành chính sách/Thiết kế chính sách/Xây dựng chính sách/Hoạch định chính sách/Làm chính sách...) (theo Nguyễn Anh Phương, 2020).

Hình thành chính sách (Policy formulation) - trong nghiên cứu này gọi đây là giai đoạn “Hoạch định chính sách công”. Hoạch định chính sách công là toàn bộ các quá trình từ thiết lập chương trình nghị sự đến xây dựng và ban hành chính sách để giải quyết một vấn đề công⁵ (từ bước 1 đến hết bước 5). Trong phạm vi bài báo này, nhóm tác giả chỉ tập trung vào việc ứng dụng TDTK ở giai đoạn hình thành chính sách công hay hoạch định chính sách công (Public Policy formulation). Đây là bước khởi đầu trong chu trình chính sách và cũng là bước đặc biệt quan trọng.

3. Những tiềm năng của việc ứng dụng tư duy thiết kế cho hoạch định chính sách công

Trong nghiên cứu tư duy thiết kế có một số từ khóa phổ biến, thường được nhắc đến như “lấy người dùng/người thụ hưởng làm trung tâm”, “nguyên mẫu”, “tương tác giữa các bên liên quan”... Đặc biệt, tư duy thiết kế tập trung vào người dùng (sản phẩm, dịch vụ)/người thụ hưởng (chính sách), bắt đầu từ góc nhìn của người dùng/người thụ hưởng, liên tục đánh giá nhu cầu, kỳ vọng và hành vi của họ. Thông qua việc nắm bắt và thấu hiểu nhu cầu, trải nghiệm thực tế của người dùng/người thụ hưởng, TDTK hướng đến việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phù hợp hơn, nâng cao sự hài lòng của họ. ĐMST vì vậy vừa là đặc điểm nổi bật, là trung tâm và cũng là mục tiêu của TDTK, khuyến khích các nhà thiết kế thoát khỏi các phương pháp tư duy truyền thống, hướng

⁵Nguồn: <https://hocvientuphap.edu.vn/boiuduong/Lists/ThongBaoNhapHoc/Attachments/203/Tai%20lieu%20BD%20ngach%20CVC%20ban%20hanh%20theo%20Q%C4%90%20so%202720-%2028.12.2018%20cua%20BNV.pdf>

đến và thực hành những phương pháp tiếp cận trực quan, khác biệt và sáng tạo. Về cơ bản, TDTK là một mô hình cởi mở và phi tuyến tính.

Chính bởi những đặc điểm trên, mặc dù TDTK ban đầu xuất hiện trong khu vực tư nhân (IDEO, Trường thiết kế Stanford,...) nhưng hiện nay được ứng dụng nhiều trong khu vực công được cho là bởi: Tăng cường kết nối và lan tỏa, giúp giải quyết hiệu quả hơn những vấn đề kinh tế - xã hội có độ phức tạp gia tăng (biến đổi khí hậu, bất bình đẳng,...), kết nối các bên liên quan, quản trị lợi ích và công dân, trong đó một chủ đề đáng quan tâm là thiết kế trở thành chiến lược gắn liền với đổi mới sáng tạo (*Brown, 2009*).

Theo truyền thống nghiên cứu lý thuyết và giảng dạy chính sách công, thiết kế từ lâu đã được coi là một thành phần của phát triển chính sách (*Howlett, 2010; Lynn và Gould, 1980; Scheider và Ingram, 1997*). Việc thực hiện chính sách phụ thuộc vào thiết kế sản phẩm và dịch vụ (*Alford, 2009; Lipsky, 1980*). Trên thực tế, các nhà nghiên cứu chưa có nhiều thông tin về cách các nhà hoạch định chính sách xác định vấn đề, tiêu chí thiết kế, các phương pháp được sử dụng trong quá trình thiết kế chính sách và liệu “tư duy thiết kế” có được chuyển thành các hoạt động chính sách hay không? (*Mintrom, Luetjens, 2016*).

Khi những thách thức xã hội gia tăng, các chính phủ đang chuyển từ các phương pháp tiếp cận chính sách truyền thống sang các phương pháp linh hoạt, hợp tác như tư duy thiết kế. Tư duy thiết kế được coi là một phương pháp tham gia mới trong chính sách công và thiết kế dịch vụ, kết hợp sự sáng tạo và trí tưởng tượng. Mặc dù TDTK được cho rằng có nhiều tiềm năng để ứng dụng trong hoạch định chính sách công tuy nhiên vẫn chưa có nhiều nghiên cứu về chủ đề này (*Yang, Wang, 2023*).

TDTK giúp thu hẹp khoảng cách giữa các dịch vụ công chính phủ cung cấp với người thụ hưởng

Các nhà nghiên cứu cho rằng tư duy thiết kế là một công cụ mà các nhà hoạch định chính sách và chính phủ cần nghĩ tới vì có nhiều khoảng cách giữa các dịch vụ công mà chính phủ cung cấp với những gì mà công dân mong muốn. Shergold (2015) cho rằng: Chính sách tốt nên khai thác quan điểm của những người có khả năng bị ảnh hưởng bởi đề xuất chính sách.

TDTK giúp giải quyết những vấn đề nan giải bằng tư duy sáng tạo

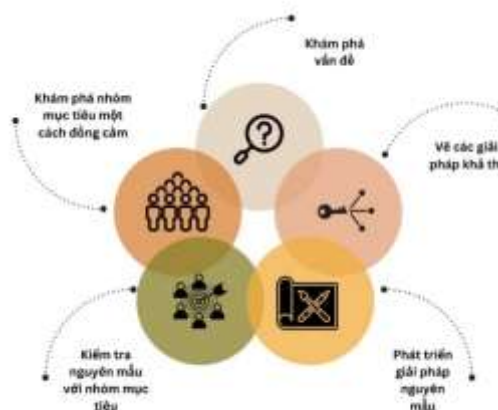
Trong thời đại nhiều biến động ngày nay, các chính phủ ngày càng phải đối mặt với nhiều vấn đề nan giải (wicked problems) như: biến đổi khí hậu, di cư, dịch bệnh, an ninh quốc gia,... (*Buchanan, 1992*). Đặc điểm của những vấn đề như vậy là có nhiều bên liên quan khác nhau tham gia, với mục tiêu, lợi ích và nhận thức khác nhau, giải pháp cho người này, nhóm người này có thể làm gia tăng các vấn đề cho những người khác. Đồng thời, kỳ vọng của

người dân đối với các dịch vụ công đã tăng lên. Trong bối cảnh này, các phương pháp thiết kế được xem là một trong những giải pháp hứa hẹn cung cấp những cách làm thông minh và phù hợp để đồng cảm với con người và các vấn đề của họ, đồng thời tìm ra các cơ hội và giải pháp các bên cùng có lợi (Bason, 2016; Mintrom và Luetjens, 2016).

Phát triển từ năm bước cơ bản của quy trình TDTK, Mintrom và Luetjens (2016) đề xuất năm bước của quy trình TDTK trong hoạch định chính sách công, đó là: (i) Quan sát nhóm mục tiêu một cách đồng cảm; (ii) Khám phá vấn đề; (iii) Khảo sát các giải pháp khả thi; (iv) Phát triển giải pháp nguyên mẫu; và (v) Kiểm tra nguyên mẫu với nhóm mục tiêu (Hình.2).

Các tác giả cho rằng những người có TDTK quan sát các nhóm mục tiêu một cách đồng cảm để xác định các vấn đề và phác thảo các giải pháp khả thi. Phát triển và thử nghiệm nguyên mẫu được thực hiện lặp đi lặp lại với sự hợp tác của nhóm mục tiêu để đảm bảo giải pháp đưa ra phù hợp với mục đích. Mintrom và Luetjens (2016) cũng giới thiệu năm chiến lược chính để áp dụng TDTK vào hoạch định chính sách công, đó là:

(1) Quét môi trường: Chiến lược này được cho rằng sẽ khám phá những hành vi hiện tại của các cá thể hoặc nhóm cá thể ở địa phương nhất định và kết quả phát sinh từ những hành vi đó. Chiến lược này cũng tìm cách xác định các xu hướng có thể ảnh hưởng kết quả trong tương lai (Fahey và King, 1977). Quét môi trường nhằm mục đích lấp đầy khoảng trống về tri thức. Chiến lược này sẽ giúp thu thập quan điểm, góc nhìn của người dùng/người thụ hưởng và chính điều này sẽ giúp nâng cao sự thấu cảm của các nhà phát triển chính sách đối với người thụ hưởng chính sách. Chiến lược này có thể sử dụng khi xem xét một lĩnh vực chính sách mới hoặc cải thiện một chính sách hiện hành.



Hình 2. Quy trình tư duy thiết kế trong hoạch định chính sách công

(2) Các cuộc hội thoại mở để học tập (open - to - learning conversations): Việc có đa dạng các nhóm người tham gia vào quá trình hoạch định chính sách đóng vai trò quan trọng. Những cuộc hội thoại mở, khuyến khích tư duy khác biệt sẽ tạo điều kiện cho việc các nhóm cùng nhau tìm kiếm giải pháp sáng tạo, những lựa chọn mới. Đây không phải là quá trình tuyến tính.

(3) Quan sát người tham gia (participant observation): Chiến lược này đề cập đến khả năng nhận diện những chi tiết quan trọng và có vẻ không quan trọng để thu thập thông tin. Mặc dù Quét môi trường tạo điều kiện khám phá rộng rãi một vấn đề nhưng quan sát lại đòi hỏi sự tham gia với những người gặp phải các vấn đề cụ thể.

(4) Tạo cảm giác (thấu cảm) (sensemaking): Đây là một quá trình “action-oriented” mà mọi người tự động trải qua để tích hợp các trải nghiệm vào sự hiểu biết của họ về thế giới xung quanh.

(5) Lập bản đồ (mapping): Chiến lược lập bản đồ giúp tìm hiểu các ý tưởng khác nhau có liên quan đến nhau như thế nào. Lập bản đồ cho phép nhà thiết kế hình dung ra cách mọi thứ kết nối với nhau và phát hiện các mô hình mới nổi. Lập bản đồ có thể thực hiện bằng cách đặt một ý tưởng hoặc đặt người dùng vào trung tâm và phát triển bản đồ.

Năm chiến lược TDTK trên được cho rằng có thể sử dụng kết hợp để tăng cường mục tiêu, phát triển và thực hiện các chính sách công.

Theo nghiên cứu của Wannawwjit (2021), TDTK là một khái niệm giải quyết vấn đề sáng tạo tích hợp quan điểm của người dùng. Trọng tâm là các hành động để tìm ra giải pháp cho các vấn đề của con người. *Tư duy thiết kế có thể được áp dụng vào quy trình chính sách công theo hai bước:*

1) *Xác định vấn đề và thiết lập chương trình nghị sự* (Bước 1+2): Sử dụng quan sát, phỏng vấn và trò chuyện với người tham gia để hiểu rõ hơn về nhóm mục tiêu (Thấu cảm). Sau đó, thiết lập khuôn khổ vấn đề (Xác định) để tìm giải pháp.

2) *Xây dựng chính sách* (Bước 3+4+5): Có thể áp dụng phương pháp động não (Ý tưởng) trong quá trình phân tích các giải pháp thay thế chính sách bằng cách cho phép nhiều nhóm người khác nhau, bao gồm cả các bên liên quan, đưa ra các giải pháp thay thế. Sau đó, tạo ra một mô hình chính sách (Nguyên mẫu) và đưa chính sách vào thử nghiệm trước khi công bố chính sách. Việc áp dụng tư duy thiết kế vào quy trình chính sách sẽ tăng quy trình chính sách công thêm một bước, cụ thể là thử nghiệm chính sách, điều này sẽ cho phép xây dựng chính sách công có thể giải quyết các vấn đề cho người dân chính xác hơn.

Thông thường, hoạch định chính sách kết hợp tham vấn với các bên liên quan vào giai đoạn cuối của quá trình, sau khi đã định nghĩa vấn đề, các lựa chọn đã được phân tích và các thách thức được chấp nhận rộng rãi. TDTK nhấn mạnh giá trị của việc tham gia sớm với các bên liên quan. Nhiều học giả đã

nhấn mạnh việc sử dụng TDTK như một cách để cung cấp thông tin cho việc xác định vấn đề (Buchanan, 1992; Dorst và Cross, 2001; Liedtka và cộng sự, 2013; Rowe, 1998).

Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây, nhiều chính phủ đang thử nghiệm các phòng thí nghiệm chính sách (Policy Labs) và đang áp dụng các phương pháp thiết kế hoặc tư duy thiết kế cho các quy trình chính của họ về hoạch định chính sách, cung cấp dịch vụ và ra quyết định. Sự ra đời và phát triển của các phòng thí nghiệm chính sách thể hiện mối quan tâm ngày càng tăng của các chính phủ đối với việc hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng và việc áp dụng “tư duy thiết kế” vào quy trình hoạch định chính sách.

Tại thời điểm tiến hành nghiên cứu thống kê được có hơn 100 phòng thí nghiệm chính sách trên khắp thế giới (Whicher, 2021) và 65 phòng thí nghiệm ở các quốc gia thành viên EU (Fuller và Lochard, 2016). Các phòng thí nghiệm chính sách này hỗ trợ chính phủ và các bên liên quan để rút ra bằng chứng khoa học được tạo ra thông qua các thí điểm, nguyên mẫu và mô phỏng để giúp các nhà hoạch định chính sách và nhà cung cấp dịch vụ điều chỉnh trước khi thực hiện và nhân rộng trên toàn quốc.

4. Gợi suy cho Việt Nam

Tại Việt Nam, số lượng ấn phẩm tiếng Việt về TDTK chưa nhiều, chủ yếu là bản dịch những tác phẩm của Ossann và cộng sự (2020), Lewrick và cộng sự (2022), Lewrick và cộng sự (2023), tập trung chủ yếu vào đối tượng là doanh nghiệp, cung cấp thêm công cụ để tối ưu hóa quy trình sản xuất và vận hành. Ngoài một số tài liệu giảng dạy được cập nhật online trên website của Chương trình Thạc sĩ Chính sách công của Fulbright Việt Nam, theo khảo sát sơ bộ ban đầu của nhóm tác giả, hiện tại chưa có công bố tại Việt Nam về chủ đề ứng dụng TDTK trong hoạch định chính sách công. Điều này cho thấy, tại Việt Nam, nghiên cứu học thuật liên quan đến TDTK chưa nhiều, chủ yếu tổng hợp tài liệu nước ngoài.

Nghiên cứu của Trịnh Thị Kiều Anh⁶ cho rằng quy trình hoạch định chính sách tại Việt Nam thực hiện tuân tự theo các bước: Nêu lý do hoạch định chính sách; Xây dựng dự thảo các phương án chính sách; Lựa chọn phương án dự thảo tốt nhất; Hoàn thiện phương án lựa chọn; Thẩm định phương án chính sách; Quyết định ban hành chính sách; Công bố chính sách. Trên thực tế, các chính sách công của Việt Nam chủ yếu được thể chế hóa bằng nghị quyết của Chính phủ nên quy trình hoạch định chính sách công được tiến hành theo quy định ban hành nghị quyết của Chính phủ tại các điều: 59, 60, 61, 62, 63, 64 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996, sửa đổi năm 2002. Nghiên cứu của Phùng Thị Phương Thảo (2016) và Trịnh Thị Kiều Anh (chưa rõ năm) đều phân tích những điểm tồn tại của quy trình

⁶ Nguồn: https://moha.gov.vn/Media_Share/BoNoiVu/Uploads/News.081214/2555/attach/vi.bai%204.doc

hoạch định chính sách công tại Việt Nam, tập trung vào một số vấn đề sau: quy trình hoạch định chính sách hiện nay đang khép kín; việc lấy ý kiến tham gia của các đối tượng chịu sự điều chỉnh trực tiếp của chính sách còn ít; chưa có kênh thông tin tốt để tiếp thu ý kiến đóng góp của những đối tượng này. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng chưa có quy định cụ thể để huy động trí tuệ của nhân dân, các chuyên gia, nhà khoa học tham gia vào hoạch định chính sách, vô hình chung làm hạn chế cách nhìn nhận, giải quyết vấn đề. Trong khi đó, đời sống kinh tế - xã hội đang còn những vấn đề bức thiết đặt ra nhưng chưa có sự tác động bởi chính sách của Nhà nước, từ đó tạo ra các khoảng trống trong hoạt động quản lý. Các văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên được thay đổi; trong một số lĩnh vực có nhiều quy định thay đổi liên tục gây khó khăn cho người thụ hưởng và quá trình thực thi chính sách. Một số chính sách được ban hành nhưng vì những lý do khác nhau đã không có hiệu lực trên thực tế. Bên cạnh đó là nhiều chính sách còn thiếu tính hợp lý. Phùng Thị Phương Thảo (2016) cho rằng, một số nguyên nhân dẫn đến những bất cập này là: hạn chế trong tổ chức bộ máy hoạch định chính sách; năng lực hoạch định chính sách của đội ngũ công chức cần được nâng cao; thiếu sự tham gia của người dân và các nhóm lợi ích trong quá trình hình thành chính sách; thiếu kênh thông tin đối thoại giữa Chính phủ với các tổ chức, cá nhân.

Trong bối cảnh đó, ứng dụng TDTK cũng là một gợi ý cho công tác hoạch định chính sách công tại Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những thực hành tốt tại Australia (Cơ quan Thuế Australia - ATO; Trung tâm ĐMST xã hội Australia - TACSI; Cơ quan Giáo dục, Việc làm và quan hệ nơi làm việc Australia - H2W; Chương trình tái thiết Dịch vụ chăm sóc sức khỏe NSW - CSRP), New Zealand, Đan Mạch, Hoa Kỳ, Ấn Độ... mà một quốc gia đang phát triển như Việt Nam có thể học hỏi cũng cần cân nhắc một số điểm sau:

- Tư duy thiết kế không phải lúc nào cũng khả thi mà cần tính toán đến những hạn chế về mặt thể chế, năng lực hoạch định chính sách, thời gian và nguồn lực để thực hiện quy trình TDTK. Không thể phủ nhận rằng tư duy thiết kế đòi hỏi các kỹ năng mà các nước đang phát triển có thể thấy đặc biệt khó khai thác trong quá trình ra quyết định công. Một trong những câu hỏi đặt ra là chưa rõ ai sẽ thực sự tham gia vào quá trình TDTK. Sự sẵn sàng của các bên liên quan cũng là một vấn đề lớn cần quan tâm.
- Nếu TDTK trở thành một phần trong bộ công cụ hoạch định chính sách thì cần xem xét cả những vấn đề về lòng tin, hiệu quả, tính đại diện...
- Mỗi chính sách không nằm đơn lẻ, các thiết kế chính sách không phải cấu trúc đơn nhất, rời rạc mà trên thực tế được lồng ghép, đôi khi có sự chồng lấn và đan xen, tương thích phức tạp với các thiết kế chính sách xung quanh;
- Cần tính toán đến việc mô hình như vậy có thể tạo ra những vấn đề mới trong quản lý công hay không và việc tích hợp TDTK, thực hiện những mô hình lấy con người làm trung tâm liệu rằng có thể mang lại kết quả tốt hơn hay không.

Chính vì vậy, với bối cảnh của một quốc gia đang phát triển như Việt Nam, ở thời điểm hiện tại, phạm vi hỗ trợ của tư duy thiết kế trong hoạch định chính sách công sẽ có thể cân nhắc tập trung ở khâu xác định vấn đề, thiết kế cơ chế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Học viện Hành chính Quốc gia. *Giáo trình hoạch định chính sách công*, tr 21.
2. Học viện Hành chính quốc gia. *Thuật ngữ Hành chính*, tr 53.
3. Nguyễn Anh Phương (2020). “Chu trình chính sách công, quy trình hoạch định chính sách, quá trình chính sách”, <<https://chinhsach.vn/chu-trinh-chinh-sach-cong-quy-trinh-hoach-dinh-chinh-sach-qua-trinh-chinh-sach/>>.
4. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang, Nguyễn Thu Trang, Cao Đình Trọng (2024). *Giáo dục STEAM - Từ lý thuyết đến thực hành* (Tập 1). 244tr.
5. Đỗ Đức Lân, Bùi Diệu Quỳnh, Nguyễn Sỹ Nam, Bùi Thị Diễm (2021). “Tư duy thiết kế trong giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động STEM”. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*. Số 44 tháng 8/2021. 1-6p
6. Osann I., Mayer L., Wiele I. (2020). *Tư duy thiết kế đơn giản và hiệu quả* (Hoàng Di dịch). NXB Thế giới. 2021. 129tr.
7. Phùng Thị Phương Thảo (2016). “Hoạch định chính sách công ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”. <<https://tcnn.vn/news/detail/34239/Hoach-dinh-chinh-sach-cong-o-Viet-Nam-thuc-trang-va-giai-phap.html>>
8. Lewrick M., Link P., Leifer L. (2023). *Bộ công cụ tư duy thiết kế* (Huỳnh Hữu Tài, Lê Ngọc Tuyên dịch). Công ty sách Alpha. NXB Công thương. 2023. 312tr.
9. Lewrick M., Thommen J.P., Leifer L. (2022). *Tư duy thiết kế ứng dụng trong cuộc sống* (Huỳnh Hữu Tài, Nguyễn Thanh Thảo dịch). Công ty sách Alpha. NXB Công thương. 2022. 256tr.
10. Alford J. (2009). *Engaging Public Sector Clients: From Service Delivery to Co-Production*. Houndmills, UK: Palgrave Macmillan.
11. B. Guy Peter (2006). *Handbook of Public Policy*. SAGE Publications. London. 2006.
12. Bason C. (2016) “Design for Policy”. *Routledge*. 270p.
13. Brown Tim (2009). *Change by Design: How Design Thinking Transforms Organizations and Inspires Innovation*.
14. Buchanan Richard (1992). “Wicked problems in design thinking”. *Design Issues* 8(2):5-21.
15. Dorst, Kees, and Nigel Cross (2001). “Creativity in the Design Process: Co-Evolution of Problem Solution”. *Design Studies* 22(5):425-437.
16. Fahey, Liam, and William R. King (1977). “Environmental Scanning for Corporate Planning”. *Business Horizons* 20(4):61-71.
17. Fuller, M. and Lochard, A. (2016) *Public policy labs in European union member states*, Luxemburg: Publications Office of the European Union.
18. Howlett M. (2010). *Designing Public policies: Principles and Instruments*. NewYork: Routledge.
19. Kraft, M & Furlong, S (2015). *Public policy: politics, analysis, and alternatives*, 5th ed, CQ Press.

20. Li Y., Liu H., Li M., Yuan P. (2017) "Review on research of design thinking". *Journal of mechanical engineering*, 53(15): 1-20.
21. Liedtka, Jeanne, Andrew King, and Kevin Ben nett. (2013). *Solving problems with design thinking: ten stores of what works*. NewYork,NY: Columbia University Press.
22. Lipsky M. (1980). *Street-Level Bureaucracy: Dilemmas of the Individual in Public Services*. NewYork: Russel Sage Foundation.
23. Lynn L.E., Gould S. G. (1980). *Design Public Policy: A Casebook on the Role of Policy Analysis*. Santa Monica, CA: Goodyear Publishing Company.
24. Martin Roger (2009). *Design of Bssiness: Why Design thinking is the next competitive advantage*. Havard Business Press.
25. Mintrom M., Luetjens J. (2016). "Design Thinking in Policy Making Processes: Opportunities and Challenges: Mintrom and Luetjens". *Australian Journal of Public Administration*.
26. Rittel H. W. J, Webber M. M. (1973). "Dilemmas in a General Theory of Planning". *Policy Sciences*, Vol. 4, No. 2 (Jun., 1973), pp. 155-169
27. Rowe Peter G. (1987). *Design Thinking*. MIT Press. Cambridge. 240p.
28. Rowe, Peter. (1998). *Design Thinking*. Cambridge, MA:MITPress.
29. Schneider A.L., Ingram H.M. (1997). *Policy design for Democracy*. Lawrence KS. University Press of Kansas.
30. Shergold P. (2015). "Learning from failures: Why large Government Policy Initiatives Have Gone So Badly Wrong in the past and How the Chanes of Success in the Future Can be Improved". *Canberra: Australian Public Service Commission*.
31. Thomas R. Dye (2016). *Politics, Economics and the Public: Policy Outcomes in the American States*.
32. Uebernickel, F. and W. Brenner. (2020). *Design Thinking: The Handbook*, World Scientific.
33. Wannawijit Y. (2021). "Application of Design thinking in Public Policy Process". <<https://so03.tci-thaijo.org/index.php/jssr/article/view/255046/174675>>
34. William N. Dunn (2017). *Public Policy Analysis: An intergrated Approach*. 6th ed. 498 Pages 102 B/W Illustrations.
35. Whicher A. (2021): Evolution of policy labs and use of design for policy in UK government, *Policy Design and Practice*, DOI: 10.1080/25741292.2021.1883834 To link to this article: <https://doi.org/10.1080/25741292.2021.1883834>. Published by Informa UK Limited, trading as Taylor & Francis Group. Published online: 18 Mar 2021
36. Yang F., Wang L., (2023). Design Thinking in Public Policy Design: A Typological Study. *Proceedings of the International Conference on Global Politics and Socio-Humanities* DOI: 10.54254/2753-7048/26/20230877
37. Yin B., Li Y., Xiong Y., Li X. (2013). Current research situation and development tendency of design thinking. *Computer intergrated Manufacturing Systems*, 19(06): 1165-1176.